

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Đ
TỈNH Q

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/DS-ST

Ngày: 21 - 6 - 2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Đ, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Giới.

2. Ông Nguyễn Đình Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ, tỉnh Q tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Táp - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-DS ngày 03/5/2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 03/2024/QĐST-DS ngày 29/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2024/QĐST-DS ngày 07/6/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức K, sinh năm 1962.

Nơi thường trú: tổ 7, khu Q, phường M, thị xã Đ, tỉnh Q. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn D, sinh năm 1991.

Nơi thường trú: số nhà 54, tổ 1, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Q. Có mặt tại phiên tòa ngày 29/5/2024, vắng mặt các phiên tòa ngày 07/6/2024 và ngày 21/6/2024.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2023, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Đức K trình bày có nội dung:

Do có quan hệ quen biết nên ngày 25 tháng 5 năm 2022, ông K đã cho anh Phạm Văn D vay số tiền 96.000.000đ (chín mươi sáu triệu đồng), có giấy vay tiền và thỏa thuận đến ngày 25/6/2022 anh D sẽ trả tiền ông K, đồng thời thỏa thuận tiền lãi là 1,5%/tháng và anh D có để lại 01 thẻ ATM, mã pin là 040919 của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (DIDV). Nhưng đến hạn anh D đã không thực hiện đúng cam kết và sau đó nhiều lần ông đã gặp và đòi anh D nhưng anh D vẫn không trả. Đến ngày 25/6/2023, anh D trả được 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi.

Nay ông K làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Đ buộc anh Phạm Văn D trả cho ông số tiền nợ gốc: 96.000.000đ (chín mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi tạm tính từ ngày 25/5/2022 đến ngày 25/11/2023 là 18 tháng x 1,5% x 96.000.000đ = 25.920000đ (hai mươi năm triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Anh D đã trả 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) còn lại là 24.720.000đ (hai mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng số tiền ông yêu cầu anh D phải trả là 120.720,000đ (một trăm hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 96.000.000đ (chín mươi sáu triệu đồng), nợ lãi là 24.720.000đ (hai mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Tại phiên tòa ông Nguyễn Đức K trình bày: tại thời điểm anh Phạm Văn D vay tiền của ông là ngày 25/5/2022 với số tiền 96.000.000đ (chín mươi sáu triệu đồng) với mức lãi thỏa thuận là 1,5%/tháng, hạn trả là 01 tháng (có giấy vay tiền). Khi anh D có để lại 01 thẻ ATM và cho ông mã số pin là 040919. Tuy nhiên sau khi vay tiền của ông thì ông cũng không rút được tiền trong thẻ. Sau khi quá hạn trả tiền, ông đã gặp và đòi tiền nhưng anh D không trả. Đến khi ông khởi kiện ra Tòa thì anh D thỏa thuận trả dần nên ông đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên anh D mới trả được 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) thì không trả nữa.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng bị đơn anh Phạm Văn D trình bày: trong lúc làm ăn anh có quen biết anh Trần Văn H. Anh H có giới thiệu cho anh quen và gặp ông Nguyễn Đức K. Lúc đó do anh đang khó khăn và được biết ông K cho vay lãi nên anh đã nhờ anh H giới thiệu đến vay tiền chỗ ông K 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) với lãi suất 6%/ 01 tháng nhưng ông K không cho ghi vào giấy vay tiền. Do lúc đó có dịch Covid 19, công việc bấp bênh, anh không đi làm được, gia đình con cái ốm đau, đi viện định kỳ mỗi tháng 01 lần trên Viện Nhi trung ương nên anh không trả lãi được cho ông K và đến hiện tại ông K cộng cả gốc và lãi là 96.000.000đ (chín mươi sáu triệu

đồng) và đón đường ở Công ty bắt viết lại giấy vay tiền là 96.000.000đ (chín mươi sáu triệu đồng), nếu không viết thì không cho đi làm. Nay anh mong ông K giảm lãi cho anh để anh trả dần tiền gốc đúng với khả năng kinh tế của anh. Vì hiện tại anh đang nợ 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng) ở Quỹ tín dụng nhân dân M, con thì đau ốm phải thường xuyên đi Bệnh viện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức K, buộc anh Phạm Văn D phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đức K số tiền nợ gốc là 96.000.000đ (chín mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi 1,5%/ 01 tháng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/6/2024) và được trừ đi 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng).

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Đức K về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh Phạm Văn D, sinh năm 1991, nơi thường trú: số nhà 54, tổ 1, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Q là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Q, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa ngày 29/5/2024, bị đơn anh Phạm Văn D đề nghị tạm ngừng phiên tòa để cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ. Tuy nhiên đến phiên tòa ngày 07/6/2024, anh Phạm Văn D vắng mặt không có lý do, nguyên đơn ông Nguyễn Đức K đề nghị hoãn phiên tòa. Tiếp đến phiên tòa ngày 21/6/2024, anh Phạm Văn D vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Ngày 25/5/2022 ông Nguyễn Đức K cho anh Phạm Văn D vay số tiền 96.000.000đ (chín mươi sáu triệu đồng), có giấy tờ viết tay, có thỏa thuận về lãi suất là 1,5%/tháng, có thời hạn trả và anh D cũng thừa nhận có vay tiền ông K nhưng chỉ vay 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), số tiền còn lại là tiền lãi chuyển thành gốc. Tuy nhiên anh D không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh. Từ đó đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số

tiền trên là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc trường hợp vay có thỏa thuận về lãi suất được quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về nội dung:

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Đức K vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc anh Phạm Văn D phải có nghĩa vụ trả cho ông tổng số tiền nợ gốc là: 96.000.000đ (chín mươi sáu triệu đồng) và lãi suất 1,5%/01 tháng kể từ thời điểm vay đến thời điểm xét xử sơ thẩm được trừ đi 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng).

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Đức K thì thấy rằng: việc ông Nguyễn Đức K cho anh Phạm Văn D vay 96.000.000đ (chín mươi sáu triệu đồng) có giấy viết tay, có sự thỏa thuận về lãi và có thời hạn trả nợ. Anh Phạm Văn D chỉ thừa nhận anh vay tiền của ông K là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), số tiền còn lại là ông K cộng lãi vào thành 96.000.000đ (chín mươi sáu triệu đồng) nhưng anh D không có tài liệu chứng cứ để chứng minh. Trong hợp đồng vay tiền giữa ông K và anh D thể hiện có thỏa thuận lãi suất 1,5%/ tháng là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[4]. Xét về tính hợp pháp của giao dịch dân sự:

Việc ông Nguyễn Đức K cho anh Phạm Văn D vay số tiền 96.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn trả là 25/6/2022 và anh Phạm Văn D có lời khai thừa nhận có vay của ông K số tiền 40.000.000đ và số tiền còn lại là tiền lãi cộng thành gốc nhưng anh không có tài liệu chứng cứ để chứng minh. Do đó thể hiện giao dịch trên là đảm bảo về hình thức, mục đích và điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự được quy định tại các Điều 116, 117, 118 và 119 của Bộ luật Dân sự.

Về lãi suất: Ông Nguyễn Đức K yêu cầu tính lãi suất 1,5%/01 tháng, tương đương là 18%/01 năm theo thỏa thuận trong hợp đồng vay tài sản. Xét thấy yêu cầu về lãi suất của ông Nguyễn Đức K là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức K là có căn cứ, đúng pháp luật, cần được chấp nhận.

Như vậy lãi suất được tính từ ngày 25/5/2022 đến ngày 21/6/2024 là 2 năm 26 ngày, tổng số tiền lãi được tính như sau: $96.000.000đ \times 18\% / 01 \text{ năm} \times 2 \text{ năm } 26 \text{ ngày} = 35.808.000đ - 1.200.000đ = 34.608.000đ$ (ba mươi bốn triệu sáu trăm linh tám nghìn đồng).

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của ông Nguyễn Đức K được chấp nhận nên anh Phạm Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Đức K buộc anh Phạm Văn D phải trả cho ông Nguyễn Đức K số tiền nợ gốc là 96.000.000đ (chín mươi sáu triệu đồng) và lãi suất 1,5%/ 01 tháng tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116; Điều 117; Điều 118; Điều 119; Điều 357; Điều 463; Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức K đối với anh Phạm Văn D về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

1. Buộc anh Phạm Văn D phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đức K số tiền: 130.608.000đ (một trăm ba mươi triệu sáu trăm linh tám nghìn đồng) [trong đó nợ gốc là: 96.000.000đ (chín mươi sáu triệu đồng) và nợ lãi là: 35.808.000đ (ba mươi năm triệu tám trăm linh tám nghìn đồng) - 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) = 34.608.000đ (ba mươi bốn triệu sáu trăm linh tám nghìn đồng)].

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Anh Phạm Văn D phải nộp 6.530.400đ (sáu triệu năm trăm ba mươi nghìn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND, CCTHADS Tx Đ;
- TAND, VKSND tỉnh Q;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Tuấn Anh